



## NHỮNG TƯ TƯỞNG ĐỊNH HÌNH LỐI ĐI CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN

Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Tiến Dũng <ntdunghueuni@gmail.com >

(Ngày nhận bài: 12-05-2022; Ngày chấp nhận đăng: 10-06-2022)

**Tóm tắt:** Khoa học xã hội nhân văn là hệ thống tri thức về xã hội, về con người. Lịch sử văn minh nhân loại cho thấy rằng mỗi bước tiến của khoa học tự nhiên, của nhận thức về xã hội, về môi trường sống của con người đều là những điểm tựa vững chắc của khoa học xã hội nhân văn. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, sẽ xuất hiện những cá nhân kiệt xuất mà tư tưởng và thành quả khoa học của họ giữ vai trò vạch thời đại và định hình lối đi của khoa học xã hội nhân văn. Tuy vậy sự hợp lực tư tưởng của một giai đoạn sẽ tạo thành ý nghĩa chung của giai đoạn ấy.

**Từ khoá:** Khoa học xã hội nhân văn, định hình, tư tưởng, số phận con người.

## THOUGHTS SHAPE THE WAY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

Nguyen Tien Dung

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

\* Correspondence to Nguyễn Tiến Dũng <ntdunghueuni@gmail.com >

(Received: May 12, 2021; Accepted: July 10, 2022)

**Abstract:** The social sciences and humanities refer to a broad knowledge of society and people. The history of human civilization shows that with every progress in natural science, people's awareness of society and their living environment all set a solid foundation for the humanities and social sciences. In each historical period, outstanding individuals appear whose ideas and scientific achievements play critical roles in

---

defining the cutting edge of times and shaping the development of the social sciences and humanities. However, the synergy of the thoughts in each period will form the general standpoint of that period.

**Keywords:** Social Sciences and Humanities, shaping, thought, human destiny.

## 1. Mở đầu

Những tư tưởng về con người, về xã hội được thể hiện đầu tiên ở thần thoại và tôn giáo. Sự phát triển của khoa học xã hội nhân văn thúc đẩy từng bước tương ứng với nhận thức và sự làm chủ của con người về các quan hệ nhân sinh. Ở khoa học xã hội nhân văn ít có sự đột biến như khoa học tự nhiên. Do vậy nhiều khi loài người phải mất đến hàng ngàn năm mới tạo ra được một giá trị nhân sinh.

Sự hình thành của những tư tưởng xã hội nhân văn hiếm khi là tự thân mà thường được dẫn dắt bởi những tư tưởng tiên tiến, dựa trên nền tảng kinh tế nhất định. Chính điều này đã lý giải chất của những tư tưởng và mức độ ảnh hưởng của những tư tưởng ấy đối với khoa học xã hội nhân văn. Cũng chính vì thế không nên cao bằng các ý nghĩa vạch thời đại của các tư tưởng. Vì thời đại khác nhau thì *ý nghĩa vạch thời đại* của chúng cũng khác nhau. Đó chính là nguyên tắc lịch sử - cụ thể khi đánh giá về vai trò của nhà tư tưởng trong định hình lối đi của khoa học xã hội nhân văn ở những thời gian và không gian không giống nhau.

## 2. Nội dung

### 2.1 Những lối đi trong khoa học xã hội nhân văn trước thế kỷ XIX

Người mở đầu cho giai đoạn đến trước thế kỷ XIX là nhà triết học cổ đại Hy Lạp Socrates. Tại sao lại là Socrates? Vì ý nghĩa quan trọng của tư tưởng của ông đối với sự hình thành của khoa học xã hội nhân văn. Đó là một con người mà cuộc đời, số phận và tri thức như những vòng tròn đồng tâm không có độ xô lệch.<sup>1</sup>

Socrates (470-399) được tôn vinh là một trong những người đi đầu cổ vũ cho việc mở rộng đối tượng triết học, tạo ra bước ngoặt cho sự phát triển triết học nói riêng và khoa học xã hội nhân văn nói chung. Theo ông, đối tượng chân chính của triết học là con người với giá trị cao nhất là phẩm hạnh của nó. Với cách nhìn này, Socrates đã kết thúc thời kỳ con người chỉ là thành tố *đính kèm, ăn theo* triết học: “Ông là triết gia đầu tiên đưa triết học phương Tây từ trên trời xuống, xếp vào các thành phố, đưa nó vào tận nhà của con người và làm cho nó phải học hỏi cuộc sống, đạo lý cùng những điều thiện và điều ác”<sup>2</sup>, một khuynh hướng triết học: “thể

<sup>1</sup> Xem: Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb KHXH, HN, Tr. 82-90.

<sup>2</sup> Stanley Rosen (2004), *Triết học nhân sinh*, Nxb Lao Động, HN, Tr. 5.

hiện giá trị đích thực của bản chất người”<sup>3</sup>. Ngày nay, các nhà nghiên cứu gọi là triết học nhân sinh, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển khoa học xã hội nhân văn.

Quan niệm con người của Socrates đã có tác động sâu sắc đến nhiều triết gia nổi tiếng đương thời như Platon (427-347), Aristoteles (384-322), nhất là các triết gia thời kỳ Hy Lạp hoá. Nhưng tư tưởng của ông cùng với nhiều giá trị nhân văn khác của cổ đại Hy Lạp đã bị vùi sâu suốt hàng ngàn năm phong kiến. Đến thời kỳ phục hưng thế kỷ XV-XVII, chúng đã được làm tươi mới ở một trình độ cao hơn.<sup>4</sup> Đóng góp quan trọng nhất của thời kỳ phục hưng vào kho tàng xã hội nhân văn thời đại là khát vọng sống, là yêu cầu được hiểu đúng những giá trị sinh học, giá trị tinh thần và ý nghĩa của chúng đối với con người đời thường. Điều đó được chứng minh qua tác phẩm của các nhà văn, nhà hội hoạ và kiến trúc của thời đại như William Shakespeare (1564-1616) với: *Romeo và Juliet* (1595), *Hamlet* (1601), *Macbeth* (1607), *King Lear* (1606), *Othello* (1603)... không ít những nhân vật từ trang sách William Shakespeare đã bước vào đời sống và ở mãi với đời cho đến tận hôm nay.

Những kiệt tác của các danh hoạ Pieter Bruegel the Elder (1525-1569): *Netherlandish Proverbs* (1559); Jan van Eyck (1390-1441): *Lucca Madonna* (1437); Michelangelo (1475-1564): *David* (1501); Leonardo da Vinci (1452-1519) với *Mona Lisa* (1503)<sup>5</sup>, *Người Vitruvius* (1490)<sup>6</sup>... đã xô đổ sự tẻ nhạt của màu xám của những hình tượng ở trên cao tít để đến với “Chiều rộng vĩ đại của đam mê”.<sup>7</sup> Khi tiếp xúc với những hoạ phẩm ấy, người ta cảm nhận được hương vị của thần Dionysos, vị thần của đam mê với đầy ma lực của cuộc sống trần gian.

Đây là thời kỳ con người thế tục bước vào văn học, hội hoạ và kiến trúc. Và họ được lột xác ở trong đó. Theo cách nói của Socrates, con người đó đã được các danh hoạ, các kiến trúc sư ngấm nghĩa tứ bề để tìm chỉ ra chất sống của nó.<sup>8</sup> Lần đầu tiên người ta đã nhận ra con người là một tổ hợp thống nhất của đức hạnh, tri thức và đam mê. Nhưng con người đó vẫn chưa đứng được bằng đôi chân của mình. Bởi chưa có hệ tham chiếu giá trị riêng. Con người đó vẫn chịu sự phán quyết bởi các thang bảng khoa học tự nhiên và tôn giáo. Bởi vậy, nhiều giá trị nhân văn và các quan niệm về xã hội vẫn còn lơ lửng trên không trung.

3 Sdd Tr. 5

<sup>4</sup> “Bên cạnh thách thức chính trị với uy quyền tuyệt đối của Giáo hội là một thách thức văn hoá thường được gọi là thời kỳ phục hưng – sự hồi sinh của những đam mê và tri thức của truyền thống Hy Lạp cổ điển” Sir Julian- DR.J.Bronnowski- Sir Geral Barry-James Fisher (2003), *Tư tưởng loài người qua các thời đại*, Nxb VHHT, HN, Tr. 248.

<sup>5</sup> Còn gọi là La Gioconda hay La Joconde

<sup>6</sup> Xem bình luận về bức tranh này tại : <https://vnexpress.net/y-nghia-an-sau-buc-ve-nguoi-vitruvius-cua-leonardo-de-vinci-3737548.html>.

<sup>7</sup> Sir Julian- DR.J.Bronnowski- Sir Geral Barry-James Fisher (2003), *Tư tưởng loài người qua các thời đại*, Nxb VHHT, HN, Tr. 247.

<sup>8</sup> Nguyên văn là “Một cuộc đời không xem xét lại là một cuộc đời không đáng sống”. Trong: Mark Kishlansky, Patrick Gearym, Patricia Ó Brien (2005), *Nền tảng Văn minh phương Tây*, Nxb VHHT, Tr. 90.

B. Pascal (1623-1662) nhà toán học nổi tiếng của Pháp<sup>9</sup>. Nhưng ông lại là một trong những nhà khoa học tự nhiên nhận ra lý tính không có sức mạnh vạn năng như *chiếc đũa thần*<sup>10</sup> trong giải quyết mọi vấn đề của con người và xã hội. Ông là người đã tạo ra “một cú nhảy đức tin, không lý lẽ”<sup>11</sup> khi khẳng định: “Con tim có lý lẽ riêng của nó mà lý tính bất lực” (Le cœur a ses raisons que la raison ne connaît point). Pascal nghiêng về con tim nhưng không có nghĩa là ông *ruông rẫy* lý tính như không ít nhà phi duy lý sau này mà ngược lại ông vẫn tôn vinh sức mạnh của lý tính<sup>12</sup> nhưng không đề cao một cách thái quá như những người tung hô lý tính lên tận mây xanh. Với Pascal, lý tính không diệu vợi như người ta tưởng. Ông đã nhìn thấy duy lý và phi duy lý quan hệ không thể tách rời trong một cá nhân, nhất là trong đời sống thế tục của cá nhân đó.

Việc tôn trọng lý lẽ của con tim của Pascal và quan niệm về con người của Socrates đã mở rộng cánh cửa liên thông giữa triết học và các ngành khoa học xã hội nhân văn, bước vào chiều sâu của đời sống nội tâm của con người. Nếu như Socrates nhìn thấy con người là chủ nhân của thế giới này thì B. Pascal đã nhìn thấy gót chân Achilles của thần trí tuệ, của lý tính là ở chính nó: “Điểm kết thúc của lý tính đã chứng minh sự giới hạn của lý tính” (The end point of rationality is to demonstrate the limits of rationality).<sup>13</sup>

Pascal giúp cho con người nhận ra thế giới nội tâm của mình dù không tuân theo quy luật của lý tính nhưng vẫn là một quan năng liên hệ chặt chẽ với thế giới bên ngoài để góp phần làm nên tính độc đáo của cá nhân. Do vậy đừng áp dụng cái nhìn cứng đờ khi xem con người là sự lắp ghép cơ học của cây sậy và tư duy<sup>14</sup>. Quan niệm nhân sinh của Pascal đã có ảnh hưởng không nhỏ đến các nhà văn Pháp, nhà văn Nga... và cho đến tận hôm nay, không ít những

<sup>9</sup> 12 tuổi, ông đã giải quyết được mệnh đề thứ 32 của nhà hình học Euclide. 16 tuổi đã gây ngạc nhiên cho giới toán học với *Luận chứng về Côníc*.

<sup>10</sup> Lấy ý từ truyện cổ tích *Cây đũa thần*

<sup>11</sup> Ted Honderich (chủ biên, 2001), *Hành trình cùng triết học English – Vietnamse Dictionary of philosophy*, Nxb VHNT, HN, Tr. 405.

<sup>12</sup> Ông từng nhấn mạnh: Bằng không gian, vũ trụ bao quanh và nuốt trọn tôi như một nguyên tử; bằng tư duy tôi lĩnh hội cả thế giới (By space the universe encompasses me and swallows me up like an atom; by thought I comprehend the world.)

<sup>13</sup> <https://quotefancy.com/quote/776789/Blaise-Pascal-The-end-point-of-rationality-is-to-demonstrate-the-limits-of-rationality>. Truy cập ngày 2/5/2022

<sup>14</sup> Đó cũng là trần trụi của Henri Bergson (1859-1941), khi nói về Pascal: “Những máy đo lường của chúng ta quá ngắn để ước lượng được chiều sâu tư duy của Pascal”. <https://review.siu.edu.vn/nhan-vat-su-kien/blaise-pascal-nha-khoa-hoc-co-tam-hon-van-chuong/248/2024>. Xuất xứ câu nói này là: có một người bạn đã khuyên Pascal từ bỏ khoa học để đi theo tôn giáo. Vì thân phận con người mỏng manh lắm. Ông ta nói: “Con người chỉ là một cây sậy yếu ớt trước tạo hóa vô biên. Làm sao anh có thể đương đầu nổi với giông tố cuộc đời”. Pascal trả lời: “Đúng, con người chỉ là một cây sậy mềm yếu, nhưng là một cây sậy biết tư duy. Vì thế, nó không bao giờ chịu cho giông tố dập vùi...”. Về sau ông đã nói rõ hơn: “Con người chỉ là một cây sậy yếu ớt trong tự nhiên nhưng đó là một cây sậy biết tư duy. Vũ trụ không cần phải vũ trang để tiêu diệt nó. Một làn hơi, một giọt nước cũng đủ giết chết nó. Nhưng ngay cả khi vũ trụ giết chết nó, nó vẫn cao cả hơn kẻ giết chết nó, vì nó biết nó sẽ chết, nó biết vũ trụ mạnh hơn nó. Còn vũ trụ thì không biết gì hết” Dẫn theo <sup>14</sup>: Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb KHXH, HN, Tr. 300

trường phái triết học và nghệ thuật vẫn tìm thấy cảm hứng sáng tạo từ tư tưởng con người của Pascal.

Công lao của Socrates và Pascal chính là những nhà tư tưởng đã đặt những viên gạch đầu tiên và gọi mở sự kiến thiết lâu dài khoa học xã hội nhân văn nên bắt đầu từ nền móng nào. Nói như Aristoteles (384-322), nhà tư tưởng vĩ đại nhất của cổ đại, sự vĩ đại tư tưởng lớn là ở chỗ: “tạo tiền đề cho người khác tiếp tục phát triển”.<sup>15</sup>

Nicolaus Copernicus (1473-1543), nhà thiên văn học người Ba lan, được xem là người mở đầu cho khoa học hiện đại thế giới.<sup>16</sup> Cống hiến của ông được nhân loại ghi nhận là: “Người đã giữ lại mặt trời và làm cho trái đất dịch chuyển”<sup>17</sup>.

Trước Copernicus con người đã sống nhiều thế kỷ trong sự cố vũ của *Thuyết Địa tâm*. Thuyết này do Aristoteles đề xướng và được Ptolemy (100-170), nhà thiên văn học và chiêm tinh Hy Lạp cổ đại bổ sung. Thuyết địa tâm chỉ cho mọi người biết trái đất là trung tâm của vũ trụ. Mặt trời quay xung quanh trái đất. Quan niệm này được tán dương bởi phù hợp với cảm nhận trực quan của con người và được sự ủng hộ của Ky tô giáo. Nhưng Thuyết địa tâm, trong chừng mực nào đó vẫn là một bước nhảy về chất so với quan niệm của thần thoại về thế giới.

Ngược lại với quan niệm của Thuyết địa tâm, Copernicus khẳng định trái đất không đứng yên, trái đất xoay quanh mặt trời. Trái đất cũng giống như các hành tinh khác. Mặt trời là trung tâm của vũ trụ.<sup>18</sup> Giới khoa học gọi quan niệm khoa học này là *Thuyết Nhật tâm*. Về mặt khoa học Thuyết Nhật tâm đã vượt qua thời kỳ những gì có thể kiểm chứng trực quan mới có tính khả tín.

Thuyết Nhật tâm không chỉ giải đáp đúng đắn vấn đề thế giới quan (so với các quan niệm trước đó) mà còn là tiền đề để đi vào những vấn đề của nhân sinh quan. Bởi không vẽ được một bức tranh chân thực về thế giới thì làm sao con người có thể xác định được vị trí của mình trong thế giới đó. Giống như Christopher Columbus (1451- 1506) phát hiện ra châu Mỹ ngày 22/10/1492 không chỉ dừng lại ở việc chứng minh trái đất hình cầu mà ý nghĩa quan trọng nhất lại là những vấn đề nhân sinh và phát triển kinh tế. Việc phát hiện ra châu Mỹ là một cú hích cho việc hình thành nhanh chóng các tuyến hàng hải trên biển; sự di cư; sự giao lưu văn hoá. Giải quyết được không ít những vấn đề lo ngại của châu Âu liên quan trực tiếp đến kinh tế - xã hội như nguyên liệu sản xuất, tốc độ tăng gia tăng dân số...

Nếu cấu trúc thái dương hệ (Copernicus nhằm là vũ trụ) trái đất không phải là trung tâm thì những lý giải về thiên đường hay địa ngục không có sức thuyết phục. Copernicus đã bóng

<sup>15</sup> Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb KHXH, HN, Tr. 130.

<sup>16</sup> Sir Julian- DR.J.Bronnowski- Sir Geral Barry-James Fisher (2003), *Tư tưởng loài người qua các thời đại*, Nxb VHNT, HN, Tr. 136.

<sup>17</sup> Lời ghi trên bia mộ ông.

<sup>18</sup> Do mục đích của bài viết nên các tác giả không đề cập đến những hạn chế của *Thuyết Nhật tâm*.

gió khêu gọi cho con người một quan niệm cuộc sống trên trái đất này mới là tất cả. Cuộc sống như thế nào là do con người quyết định. Đó chính là ý nghĩa của những tư tưởng về xã hội, về con người được bắt nguồn từ cuộc cách mạng ở trên trời.

Ngày 24/11/1859, Darwin (1809-1882) đã công bố *Nguồn gốc của loài* (The Origin of Species). Ông tiên liệu: “có thể lò mò dự báo rằng, sẽ có thể có một cuộc cách mạng to lớn trong lịch sử của tự nhiên”<sup>19</sup>. Và thật sự đã có một cuộc cách mạng khoa học về tổ tiên của con người và muôn loài.

Năm 1925 bang Tennessee Hoa kỳ đã thông qua luật *the Butler Act* cấm dạy *Thuyết tiến hoá của Darwin* trong nhà trường. Thầy giáo Scopes là người *dính chương* đầu tiên của luật. Sự kiện này được gọi là *Vụ án con khỉ Scopes* (Scopes Monkey Trial). Sự nóng bỏng và ý nghĩa của sự kiện được thể hiện rõ ở dòng chữ *Chúng tao không phải là những con khỉ* (We are not monkeys) trên dải băng chéo của những người ở bên ngoài toà án.

Ngay từ thừa sơ khai, người phương Tây đã tin rằng con người là do Đức Chúa Trời ban tạo. Darwin từ những nghiên cứu thực tế và khoa học đã không đồng tình và phủ nhận niềm tin truyền thống đó. Với ông mọi loài trên trái đất đều có nguồn gốc từ một hay vài dạng nguyên thủy. “Tất cả những thực thể sống đều có cùng một nhóm tổ tiên, thậm chí chỉ có một tổ tiên”<sup>20</sup>. Theo ông, khi có một dạng của sự sống xuất hiện, sinh vật đó bắt đầu thay đổi và biến hoá theo môi trường xung quanh. Những loài sống trong môi trường thích hợp sẽ nảy nở và phát triển trong khi những loài sống ở điều kiện không thích hợp sẽ từ từ bị tuyệt chủng. Cá thể mạnh nhất chưa hẳn đã là cá thể sống sót. Cá thể sống sót là cá thể thích nghi tốt nhất với môi trường. Sự sinh sản không gì khác hơn là quá trình tái tạo các đặc điểm theo dòng giống cho đến khi những biến thể cuối cùng thành một loài mới. Sự đột biến của các loài động vật là nguyên nhân dẫn đến sự thay thế loài đã tuyệt chủng. Qua hàng triệu năm các loài không còn giữ được hình dạng nguyên thủy nữa mà phải thay đổi để thích nghi theo sự chọn lọc của tự nhiên.

Thuyết tiến hoá của Darwin có hai kết luận làm biến đổi tư duy của nhân loại về nguồn gốc của bản thân mình và của loài giống trên hành tinh. Nguồn gốc của con người là do sự tiến hoá và biến hoá. Nguồn gốc của muôn loài là do sự chọn lọc tự nhiên. *Và tất cả đều đi ra từ một nguồn cội*. Đó chính là *cách nhìn vô cùng quan trọng về sự sống*.<sup>21</sup> Thuyết tiến hoá có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng với khoa học thế giới, đặc biệt là khoa học xã hội nhân văn. Ở đó, thuyết tiến hoá được vận dụng triệt để vào lý giải các hiện tượng xã hội trở thành Chủ nghĩa Darwin.

Thuyết tiến hoá đã làm mất đi sự giải thích khập khiễng giữa quan hệ thế giới và con người của quan điểm duy vật trước Marx. “Chủ nghĩa Marx đánh giá cao đóng góp của học

<sup>19</sup> Dẫn theo Francis S. Collins (2019), *Ngôn ngữ của Chúa*, Nxb Thế giới, HN, Tr. 133.

<sup>20</sup> Sđd, Tr. 133

<sup>21</sup> Sđd, Tr. 135

thuyết Darwin nhưng cũng thấy được hạn chế của nó. Cho đến bây giờ nó vẫn quan trọng về mặt phương pháp luận và tư tưởng<sup>22</sup>. Nhân loại và khoa học xã hội nhân văn nhận được niềm tin và tinh thần lạc quan từ học thuyết này: *tiến hoá là một quy luật*. Vì vậy chúng ta không thể không thay đổi. Trái đất, nơi cư ngụ của loài người, với tương thích của nó theo các định luật tự nhiên cũng không đứng yên<sup>23</sup>. Vấn đề là con người sẽ tiến hoá như thế nào trong sự thay đổi đó.

Bắt đầu từ Socrates và khép lại ở Darwin là sự kết thúc của một hành trình để mở ra một chặng đường mới. Socrates nhà tư tưởng của Hy Lạp cổ đại đã đặt nền móng cho quan niệm người là hoa của đất<sup>24</sup>. Vì vậy người là chủ nhân của những tinh lực mọc lên từ đất. Đó là men của khoa học xã hội và nhân văn. Pascal, “nhà triết học của con người” thông qua những cảm nhận về sự cố của cuộc đời mình, ông đã nhận ra con người không như là con số của toán học, con người có chiều sâu nội tâm thăm thẳm, đó là những giá trị thực của nó. Pascal đã gọi tên và định hình lối đi của khuynh hướng phi duy lý trong triết học, văn học, nghệ thuật... cho đến tận hôm nay.

Khác với Socrates và Pascal, Copernicus cùng với Darwin đã cho khoa học xã hội nhân văn những chứng cứ khoa học để lý giải đời sống con người và cơ chế vận hành vũ trụ. Vũ trụ mênh mông nhưng con người vẫn xác định được chỗ đứng của mình ở trong đó. Sau mỗi vòng xoay của trái đất, con người đã đi qua một năm. Một năm nhân sinh. Một năm tồn tại trong liên hệ xã hội. Thời gian và nhân sinh của con người trên mặt đất, nói như cách nói của Krishnamurti (1895-1986), nhà tư tưởng vĩ đại của Ấn Độ hiện đại, *đó là đất vào* của khoa học xã hội nhân văn. Cho đến nay, khoa học xã hội nhân văn thế giới, chưa từng xa rời quan điểm của Darwin về sự sống. Đó là la bàn quy định phương vị con người và xã hội trong sự vận trù của nó.

## 2.2 Số phận con người, lối đi lớn của khoa học xã hội nhân văn thế kỷ XX

Thế kỷ XX, thế giới đã xảy ra nhiều sự kiện tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội như Đại chiến thế giới I (1914-1918) và II (1939-1945); Thảm hoạ bom nguyên tử Mỹ ném xuống Hiroshima và Nagasaki (1945) Nhật bản; Sự tan rã hệ thống Xã hội Chủ nghĩa thập niên cuối thế kỷ XX. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật một mặt thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tăng trưởng kinh tế nhưng mặt khác lại tạo ra sự không tương thích giữa đời sống vật chất và tinh thần. Sự đối cực giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý ngày càng gay gắt.

<sup>22</sup> Hữu Ngọc (chủ biên, 1987), *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, Tr. 111

<sup>23</sup> Chẳng hạn: Các loại siêu khuẩn, vi trùng, nấm và thú vật đầu có đứng yên mà chúng tiến hoá với con người. Chọn lọc tự nhiên, sự tiến hoá qua đột biến đã làm thay đổi gốc tích của chúng và tất yếu sẽ dẫn đến hiện tượng nhờn thuốc, kháng thuốc trong trị liệu bệnh tật. Vì thế để tạo ra vaccine ngăn ngừa tình trạng đó phải hiểu được nòi giống của chúng.

<sup>24</sup> Vì là nhà mục đích học nên ông cho rằng tự nhiên là do thần thánh tạo ra do vậy nghiên cứu tự nhiên là can thiệp vào công việc thần thánh.

Con người cho đến nay vẫn là một thế giới mênh mông, nhiều khoa học đã *đuôi sứt*<sup>25</sup> trong đó. Đặc trưng của nghiên cứu về con người bao giờ cũng là một dự án dang dở. Bởi thế không một tư tưởng nào có thể giải quyết được vấn đề của thời đại khác nhau.

Nói về số phận con người là nói về cuộc sống, cuộc đời của con người. Đó là điểm trung tâm của khoa học nhân văn cho dù có những cái nhìn, cách tiếp cận khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Tuy vậy, mỗi giai đoạn lịch sử lại nổi lên một chủ đề giữ vai trò chủ đạo. Khi đọc *Số phận một con người* (1956), của Sholokhov (1905-1984), chẳng ai hiểu đó là số phận của một con người cụ thể và cũng không ai dừng lại ở người Nga mà đó là nhân loại.

Chủ đề nổi bật của khoa học xã hội nhân văn thế kỷ XX là những quan ngại về đời sống tinh thần và sự tha hoá của con người.<sup>26</sup>

Tư tưởng của Nietzsche và Freud từ những tia lửa ban đầu đã bùng cháy góp phần tạo nên cuộc cách mạng trong khoa học xã hội nhân văn. Bởi hai ông đã đem lại một phương pháp luận để khoa học xã hội nhân văn không lạc lối trong khám phá con người.

*Friedrich Nietzsche (1844-1900)*, nhà triết học “Tâm hồn lớn nhất của nước Đức và châu Âu đã sản sinh ra từ sau Gót cho đến nay”<sup>27</sup>, được định danh là người tẩy não nhân loại theo nghĩa phủ định sạch trơn. Nietzsche triết gia của cây búa tạ đã phủ định tất cả quan niệm sống, những giá trị đạo đức, giá trị nhân sinh mà loài người được trang bị mấy ngàn năm. Theo ông những giá trị đó đã mất đi hơi thở đời sống biến thành giá trị ảo đang đẩy con người bằng hoại tinh thần và tha hoá<sup>28</sup>.

Điểm cốt lõi trong tư tưởng của Nietzsche là coi trọng thân xác (body) và ý chí vươn lên của con người. Ý chí đó được gửi gắm vào siêu nhân.

Theo quan niệm truyền thống, nhất là tôn giáo thân xác con người là bản thù đáng khinh chê trong khi đó linh hồn được xem là biểu hiện cao quý của lý tính. Theo Nietzsche đời sống thực của con người chính là thân xác. Những rung động và cảm xúc của nhân sinh bao giờ cũng bắt đầu bằng thân xác, bằng bản năng. Bởi thế dấu hiệu suy đồi của con người là tàn phế bản năng trong sự chết lịm của trực giác.

Ông đã khai mở ra một nguyên tắc phương pháp luận là tư duy thân xác tế vi hơn tư duy lý tính. Một nguyên tắc sau này được chào đón trong khoa học xã hội nhân văn không chỉ ở phương Tây mà ở phạm vi toàn cầu. Nguyên tắc đó đã khai mở cho sự ra đời của siêu nhân: “Mọi động cơ ý thức (tức lý tính) chỉ là những hiện tượng bên ngoài, đằng sau chúng đang diễn

<sup>25</sup> Lấy ý từ quan niệm của Immanuel Kant (1724-1804), nhà triết học Đức. Nguyên văn là *đấm dờ*.

<sup>26</sup> Xem Nguyễn Tiến Dũng (1996), *Sự xuất hiện của khoa học xã hội nhân văn trên con đường hiện đại hoá ở phương Tây*, Thông tin khoa học số 10( tập 4), Trường Đại học Khoa học Huế, Tr. 111-116.

<sup>27</sup> Feliciencha (1972), *Nietzsche cuộc đời và triết lý*, Nxb Ca dao, Sg, Tr. 9.

<sup>28</sup> Về quan niệm này, trong chừng mực nào đó có những nét tương đồng với quan niệm của Krishnamurti (1895-1986)



ra cuộc đấu tranh của những bản năng, của những tâm thể của chúng ta: cuộc đấu tranh cho sức mạnh”<sup>29</sup>.

Với F. Nietzsche, người hiện tại đã đánh mất giá trị trình nguyên vì vậy con người đó không sống cho mình mà sống bởi những giá trị do người khác đặt ra. Siêu nhân xuất hiện để thay thế loại người này. Đừng bao giờ tô vẽ siêu nhân theo quan niệm siêu nhân là người thượng đẳng, là người đứng trên muôn người. Siêu nhân của Nietzsche không có màu sắc đó. Siêu nhân chống lại chủ nghĩa duy lý bằng sức mạnh của những năng lực sống (đà sống) bám rễ trên mặt đất này. Nói cách khác, siêu nhân biểu hiện cao nhất của tính chủ thể thân xác. Bởi thế siêu nhân không đồng nghĩa với kẻ chỉ biết múa võ. Siêu nhân là cải tạo giống người hiện tồn để phát triển lên một tầm cao mới theo đúng nghĩa đen của Superman (over man). Nói cách khác siêu nhân là những con người đích thực, con người không thoát thai từ *Kinh thánh*. Con người của vương quốc mặt đất. Trong lịch sử siêu nhân có nhiều khuôn mặt khác nhau là do mục đích tiếp cận hoặc do chính trị chi phối.

Những vấn đề ông nêu ra toả sáng và có ảnh hưởng sâu đậm trong khoa học xã hội nhân văn thế giới. Ông đã tạo ra không phải con đường mà là đại lộ cho sự giải phẫu về con người. Nói cách khác, từ F. Nietzsche, con người, nhân vật chính của khoa học xã hội phương Tây hiện đại đã có màu sắc mới. Theo Nguyễn Đình Thi (1924-2003)<sup>30</sup>, văn học Pháp chịu ảnh hưởng F. Nietzsche nhiều nhất ở khu vực châu Âu mà ngọn cò của nó là André Gide (1869- 1951), người đoạt giải nobel văn học 1947. Và một điều ngạc nhiên, ông cũng chỉ ra F. Nietzsche đã mở ra một lối đi trong văn chương Việt Nam đã cách đây hơn bảy mươi năm: “Gần đây trong văn chương Việt Nam ta cũng thấy bóng một vài tư tưởng Nietzsche, đã có người muốn tìm ở Nietzsche một phương pháp tự nâng cao mình, một ý tưởng làm người,... Tư tưởng của Nietzsche đã ăn sâu vào văn chương Việt Nam đến đâu ta chưa biết trước được, nhưng ta có thể chắc chắn là Nietzsche sẽ còn làm nẩy nở nước ta nhiều tác phẩm nữa vì đọc Nietzsche ta thấy lạc vào thế giới xa lạ đầy ánh sáng, tràn đầy thơ mộng nhưng thơ mộng vừa cứng cỏi vừa êm đềm”<sup>31</sup>.

Nhưng tư tưởng Nietzsche được in đậm nhất là trong khuynh hướng triết học phi duy lý. Thuyết hiện sinh luôn luôn tôn vinh ông là bậc tiền bối. Có triết gia hiện sinh nào không tìm lực dẫn từ quan niệm chủ thể tính của thân xác từ ông.

Đặc biệt ông cũng khơi ra một lối đi cho điện ảnh, tạo ra sự đột phá về chủ đề. Cho đến nay, các nhà phê bình nghệ thuật thứ bảy đã chỉ ra 15 bộ phim hay nhất của điện ảnh thế giới như “*Devil’s Advocate*” (Kẻ thờ quỷ, 1997); “*Broken Flower*” (Đóa hoa tan vỡ, 2005); “*The Fountain*” (Nguồn sống, 2006); “*Rope*” (Sợi dây thừng, 1948); “*Fight Club*” (Câu lạc bộ võ thuật,

<sup>29</sup> Nguyễn Đình Thi (1942), *Triết học Nietzsche*, Nxb Tân Việt, Hà Nội, Tr. 137.

<sup>30</sup> Trong Nguyễn Đình Thi (1942), *Triết học Nietzsche*, Nxb Tân Việt, Hà Nội, ông đã dành hẳn một chương để nói về ảnh của F. Nietzsche đối với văn học Pháp.

<sup>31</sup> Nguyễn Đình Thi (1942), *Triết học Nietzsche*, Nxb Tân Việt, Hà Nội, Tr. 196.

1999); “Apocalypse Now” (Thời khắc tận thế, 1979); “Dogville” (Dogville, 2003); “The Sacrifice” (Sự hy sinh, 1986); “Napoleon” (Napoleon, 1928); “The Turin Horse” (Con ngựa thành Turin, 2011)... được tượng sinh từ triết học của F. Nietzsche<sup>32</sup>.

F. Nietzsche và S. Freud (1856- 1939) ngoài đời chưa từng gặp nhau. Nhưng tư tưởng của hai ông không xa lệch nhau nhiều trong đánh giá về những xung năng của con người bị che đậy bởi cách hiểu, cách nghĩ truyền thống và của đạo đức, tôn giáo... để trả lại vị trí vốn là của nó. Với tư cách là bác sĩ thần kinh, S. Freud không chỉ gián tiếp *khoa học hoá* một số luận điểm triết học của F. Nietzsche mà còn tạo ra một cuộc cách mạng về vai trò của các yếu tố trong bộ máy tinh thần của con người.

Theo quan niệm của triết học, sinh học, tâm lý học truyền thống, bộ máy tinh thần của con người gồm có *ý thức, tiềm thức* và *vô thức*, trong đó *ý thức* là *ông chủ* thực sự của bộ máy đó. Mọi hành vi của con người là do *ý thức* (lý tính) dẫn dắt. Vô thức theo đúng nghĩa đen của nó, được ví như là nhà kho chứa những đồ đã dùng rồi. Qua nhiều thí nghiệm và thực nghiệm S. Freud đã đi đến kết luận đảo ngược, vô thức mới thực sự là chủ của ngôi nhà tinh thần đó. Nói cách khác, mọi hoạt động của con người không phải do lý tính dẫn dắt mà là vô thức. Như vậy con người đi dưới sự thúc dục của bản năng, dục vọng. Đời sống nội tâm không ngủ yên mà can thiệp không ngừng nghỉ vào sinh hoạt thực tại của con người: “Vô thức gốc rễ sâu nhất của tâm lý - có tính bản năng, quyết định hoạt động có ý thức của cá nhân và cả số phận của các dân tộc - cơ sở của tất cả lĩnh vực cảm xúc là sự tìm kiếm một cách vô thức thú vui và phá phách”<sup>33</sup>.

Freud đã tháo mặt nạ mà con người đã mang nhiều thiên niên kỷ cố giữ sự thanh cao không có của mình. Vô thức như thế giúp con người sống thực với mình hơn. Vô thức như thế đã làm thay đổi cả cách con người nhìn về lịch sử, văn minh. Do vậy nhiều người không dám thừa nhận và bác bỏ quan niệm vô thức của ông là không có gì lạ: “Quan niệm rõ ràng về văn minh đã bị thay đổi bởi Freud. Ông chỉ ra nền tảng của nó có thể mỏng manh như thế nào và cũng như cách nó có thể cung cấp cho con người sức mạnh để trở nên vĩ đại và cao quý. Cuộc đời của chính ông là sự tôn vinh khả năng can đảm của cá nhân trong thời đại của hành động tập thể. Sau thế chiến lần thứ nhất, trước sự cố ý từ chối của nhiều người trong việc thừa nhận những con chấn động tâm linh sâu sắc đã phá hại nền văn minh, Freud đã viết: “Chúng ta trú ngụ trên cái ác bên trong con người chỉ vì những người khác phủ nhận nó, do đó làm cho đời sống tinh thần của con người không thực sự tốt hơn, nhưng điều đó là dễ hiểu”. Trong tất cả các nhà tư tưởng thế kỷ XX, Freud, hơn bất kỳ ai, đã làm sáng tỏ các khía cạnh của hành vi con người mà từ lâu đã bị che giấu bởi vẻ ngoài lạc quan của thế kỷ XIX”<sup>34</sup>.

<sup>32</sup> Nguồn vietnamplus.vn15-phim-hay-nhat-chiu-anh-huong-cua-triet-hoc-nietzsche-phan-1/335483.vnp

<sup>33</sup> Hữu Ngọc (chủ biên, 1987), *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, Tr. 526.

<sup>34</sup> Nguyên văn tiếng Anh: “The VERY IDEA OF CIVILIZATION was changed by Freud. He indicated both how fragile its foundations can be and also how it can provide men with the strength for greatness and nobility. His own life was a the tribute to the possibilities of personal courage in an age of collective action. After World War I, in the face of the wilful refusal of many many people to recognize that deep psychic tremors plague civilization, Freud wrote: “ We

Tuy vậy S. Freud không phải là người đầu tiên phát hiện ra vô thức. Quan niệm về vô thức trước ông đã chín muồi trong giới học thuật. Công lao và thiên tài của ông là ở chỗ xâu chuỗi những quan điểm rời rạc trước đó thành hệ thống và trao lại cho vô thức vai trò vốn là của nó đã bị con người vì *sĩ diện* của mình mà làm ngơ. Vì thế ông mới được gọi là nhà khoa học dũng cảm.

Vô thức của S. Freud đã kéo theo một cuộc cách mạng tình dục (the sexual revolution) được hình thành trên từ 1920<sup>35</sup>. Cách mạng tình dục đã đưa lại quan niệm mới về tình dục. Tình dục được hiểu theo nghĩa rộng, vì vậy cuộc cách mạng tình dục đã mở đường cho những tư tưởng nhân văn về vấn đề này.

Phân tâm học (tâm lý học phân tích) nói chung và quan niệm vô thức, tình dục nói riêng của S. Freud có ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn trên thế giới. S. Freud đã tạo ra một lối rẽ cho khoa học xã hội nhân văn thế giới. Lối rẽ này không phải là độc đạo mà nó hợp lưu với lối F. Nietzsche đã mở để làm thành đường cái quan trong khoa học xã hội. Có thể nói thế này lĩnh vực nào mà F. Nietzsche thâm nhập thì trực tiếp hay gián tiếp đều xuất hiện bóng hình của S. Freud. Nói cụ thể hơn, ở đâu bàn đến thân phận con người thì tư tưởng của hai ông dường như đều được viện dẫn. Nhận xét đó có thể được thẩm định ngay tại Việt Nam không chỉ trong thời kỳ chiến tranh mà ở ngay cả những tác phẩm văn học hiện nay.

Karl Marx (1818-1883) đã làm thay đổi *tận gốc hình hài* khoa học xã hội nhân văn thế giới. Nếu các nhà tư tưởng trước Marx tác động vào khoa học xã hội nhân văn thông qua nhân quan cá nhân hay kết quả nghiên cứu riêng biệt để định hình một lối đi mang dấu ấn cá nhân thì Marx trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của nhân loại, vận dụng các thành tựu khoa học nổi bật của thời đại, từ quan điểm thực tiễn và quan điểm duy vật biện chứng đã giải thích một cách có hệ thống và khoa học về xã hội, lịch sử và con người. Marx đã làm cho những điều dường như khó hiểu thành những điều dễ hiểu. Với Marx lịch sử, xã hội con người sinh thành và biến đổi có tính quy luật. Một sự thật mà khoa học xã hội nhân văn trước đó mới tiến tới ngưỡng dự cảm.

Marx đã mở cánh cửa cho khoa học xã hội nhân văn về cách tiếp cận con người mới. Marx đã chỉ ra lý do sức bền triết lý thực tiễn của Goeth (1749-1832) khi ông nói “Mọi lý luận chỉ là màu xám, chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi”. Nghĩa là vấn đề con người phải được xem xét từ quan điểm thực tiễn chứ không thể là quan niệm hàn lâm. Chủ nghĩa duy vật lịch sử luận giải con người vì mục đích giải phóng con người với tư cách là toàn thể nhân loại. Đó cũng

---

dwell upon the evil in human beings with the greater emphasis only because others deny it, thereby making the mental life of mankind not indeed better, but incomprehensible”. Of all twentieth – century thinkers, he, more than any others, illumined aspects of human conduct that had long been hidden by the optimistic facade of the nineteenth century). Cooperman, D., & Walter, E. V. (1963). *Power and civilization: political thought in the twentieth century*. Thomas Y. Cowell Company, Binghamton, N.Y. P. 38.

<sup>35</sup> Khác với *Tự do tình dục* (sexual liberation), một phong trào xuất hiện những thập niên sau 60 của thế kỷ XX.

chính là quan điểm về vai trò thực sự của khoa học nhân văn, phải xuất phát từ thực tiễn sinh động để góp phần cải biến thực tế chứ không phải dùng lại ở giải thích các sự vật hiện tượng.

Với khẳng định: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”<sup>36</sup>, Marx đã chỉ rõ cách thức để giải quyết vấn đề con người và xã hội. Trước hết, “bản chất của con người là tổng hòa các quan hệ xã hội” đã khẳng định con người là chủ nhân của những quan hệ xã hội ấy. Điều đó đồng nghĩa với: con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người; con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử. Như vậy trên thế giới này không có gì xa lạ với con người vì xét đến cùng tất cả đều là đối tượng khám phá và nhận thức của con người. Với bản chất đó, *khái niệm con người* luôn luôn là một hệ thống mở trong sự vận động và biến đổi không ngừng của xã hội. Và lịch sử đã trao cho con người tự do và điều kiện để phát triển tự do là mối quan hệ biện chứng của cái chung và cái riêng: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”<sup>37</sup>.

Các nhà triết học và xã hội học của phương Tây thường truy tìm nguyên nhân tha hoá của con người ở động cơ cá nhân.<sup>38</sup> Từ đó quy kết con người chạy theo những giá trị vật chất hay sống bằng những giá trị hư vinh dẫn đến đánh mất mình và tha hoá. Ngược lại, Marx chỉ rõ tha hoá là một hiện tượng của xã hội có giai cấp mà nguyên nhân của nó là ở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Dẫn đến tha hoá con người là lao động của con người bị tha hoá. Lao động từ hoạt động là bản chất của hoạt động con người bị đẩy xuống ngang hàng bản năng sinh tồn của động vật. Những tư liệu sinh hoạt do lao động của con người tạo ra đã biến thành công cụ nô dịch con người, làm đảo lộn vai trò người lao động trong quan hệ sản xuất. Do vậy, giải phóng con người không dùng lại ở tôn trọng tự do cá nhân như một số nhà triết học và xã hội học phương Tây quan niệm. Đó là hiện tượng ít tính bản chất nhất nếu như không muốn nói là hiện tượng giả. Theo Marx: “Bất kỳ sự giải phóng nào cũng bao hàm ở chỗ là nó trả thế giới con người, những quan hệ của con người về với *bản thân con người*”<sup>39</sup>, là “giải phóng người lao động thoát khỏi lao động bị tha hóa”<sup>40</sup>.

Khoa học xã hội nhân văn thế kỷ XX bộc lộ nhiều sự chông chênh trong học thuật. Do vậy nhiều nhà khoa học xã hội muốn *làm đẹp* những lối đi đó bằng tìm cách tích hợp với chủ nghĩa Marx. Chẳng hạn tích hợp giữa phân tâm học với chủ nghĩa Marx; tích hợp giữa triết học Marx với thuyết hiện sinh<sup>41</sup>.

<sup>36</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tr. 11.

<sup>37</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 1995, Tr. 628.

<sup>38</sup> Chẳng hạn Thuyết hiện sinh khẳng định con người tha hoá là do mất nhân vị. Nhân vị là dấu hiệu độc đáo chỉ có ở một cá nhân, không có ở bất cứ cá nhân nào khác. Còn Nietzsche thì cho rằng ở tôn giáo.

<sup>39</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 1995, Tr. 557.

<sup>40</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.42, Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 2000, Tr. 168.

<sup>41</sup> Xem Gorz, Andre (1966), “Sartre and Marx”, *New Left Review*, May/June; Novack, G. (1966), *Existentialism versus Marxism*, New York: Dell.

Nói như nhà triết gia Trần Đức Thảo (1917-1993) là *người ta* chẳng hiểu gì về chủ nghĩa Marx, triết học Marx cả: “J-P. Sartre mời tôi trao đổi ý kiến vì ông ấy muốn chứng minh rằng chủ nghĩa hiện sinh rất có thể cùng tồn hoà bình với chủ nghĩa Marx. Sartre không hiểu giá trị chủ nghĩa Marx về chính trị và lịch sử xã hội, ngay cả triết học Marx, ông cũng không hiểu một cách nghiêm túc”<sup>42</sup>. Đó cũng là *kiểu hiểu* của Reuben Osborn nhà tâm lý học trong *Marxism and Psychoanalysis* đưa ra lý do cần tích hợp giữa chủ nghĩa Marx và phân tâm học: “Chủ nghĩa Marx và phân tâm học nghiên cứu cái vô thức của con người bằng những con đường khác nhau. Chủ nghĩa Marx nói đến vô thức của trật tự xã hội ngăn cản con người sử dụng tối đa những phát minh của kỹ thuật mà khoa học cho phép. Phân tâm học nghiên cứu những sức mạnh vô thức của tinh thần con người, cái cản trở sự phát triển của con người đi tới chỗ chín chắn và hợp lý, biết sử dụng khoa học vì đời sống con người. Một thế giới bị cái vô thức ngự trị đòi hỏi phải nghiên cứu cái vô thức một cách khoa học, dù cái vô thức đó có nguồn gốc khách quan hay chủ quan. Điều này đồng thời giải minh cho cả sự tiếp cận của Freud và của Marx”<sup>43</sup>.

Qua đó cho thấy tầm cao của những đóng góp của Marx vào sự phát triển khoa học xã hội nhân văn thế giới. Đó là những vấn đề của cuộc sống, của hướng đi lên của xã hội, của con người. Do vậy lối mở của Marx cho khoa học xã hội nhân văn không có tính ảo vọng mà là chân lý của đời sống, khởi hành từ cuộc sống và trở về định hình cho cuộc sống. Cuộc sống và khoa học luôn luôn hợp thành với nhau trong hướng đi lên của nhân loại. Đó là những ngọn gió vĩnh cửu mà Marx đã tạo ra cho nhân loại

Khi nói số phận con người là lỗi đi lớn của khoa học xã hội nhân văn thế kỷ XX, không có nghĩa gì khác hơn là muốn nói rằng đây là thế kỷ mà con người được khám phá nhiều phương diện nhất. *Con người được nhìn thấu tận những miền sâu của nó*. Và lần đầu tiên con người đã định hình được hướng đi chuẩn của nó trong hiện tại và tương lai. Một cuộc cách mạng về con người do Marx tạo ra.

---

<sup>42</sup> Nguyễn Trung Kiên (2016), *Triết gia Trần Đức Thảo – Di cáo, hồi ký, kỷ niệm*, Nxb Đại học Huế, Tr. 1089.

<sup>43</sup> Dẫn theo Phạm Văn Sĩ (1986), *Vẽ tư tưởng và văn học phương Tây hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H, 1986, Tr. 175.

### 3. Kết luận

Lướt qua hình hài của khoa học xã hội nhân văn từ cổ đại đến thế kỷ XX, cho thấy dưới sự yểm trợ của những tư tưởng và thành tựu khoa học đã định hình dần khuôn mặt của khoa học xã hội nhân văn thế giới với trục trung tâm là con người. Mỗi phát hiện mới của các nhà khoa học thường gắn liền với một trác diện được khám phá về con người, về những yếu tố cấu thành xã hội trong cơ chế vận hành của nó.

Khởi đầu từ Socrates cho đến thế kỷ XX là một hành trình đầy sôi động của sự biến đổi các giá trị nhân văn. Nếu như ở giai đoạn trước thế kỷ XIX khoa học xã hội nhân văn do tri thức về con người, về thế giới còn nhiều giới hạn nên khoa học xã hội nhân văn, các hình thái ý thức xã hội trong sự tác động trở lại với tồn tại xã hội chưa đủ sức thâm thấu một cách sâu rộng thì đến thế kỷ XX, khoa học xã hội nhân văn đã có bước tiến nhảy vọt.

Tư tưởng của Nietzsche, của Freud đã đưa ra ánh sáng ban ngày phần nào những cổ mẫu<sup>44</sup> trong tâm thức và đời sống nội tâm của con người, làm cho khoa học xã hội nhân văn khắc chạm chân dung con người chân thật và sinh động hơn. Nhưng người quyết định tính chất và trình độ của khoa học xã hội nhân văn ở thế kỷ XX chính là tư tưởng của Marx, người đã đưa khoa học xã hội nhân văn nhân loại sang một trang mới. Trong đó nhân vật chính là con người rất gần và rất xa. Xa bởi quan niệm con người của Marx không song trùng với con người truyền thống. Gần, vì con người của Marx là con người chân đạp đất, đầu đội trời, con người sinh hoạt trong các quan hệ xã hội, con người tự làm nên mình và là chủ thể của lịch sử. Đó là số phận con người, là lối đi lớn của khoa học xã hội nhân văn thế kỷ XX.

Có thể có những nhận xét khác nhau về vấn đề này. Điều đó hoàn toàn hợp lý vì hệ tham chiếu khác nhau, thang bảng giá trị khác nhau thì sẽ cho ra kết quả khác nhau. Hơn nữa các vấn đề của xã hội, của con người bao giờ cũng là một lối đi mở. Đó chính là quy luật của sự phát triển.

---

<sup>44</sup>Thuật ngữ của Phân tâm học

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. A. Berdyaev (2016), *Con người trong thế giới tinh thần*, Nxb Tri thức, HN.
2. John C.Cavanaugh - Robert V.Kail (2006), *Nghiên cứu về sự phát triển con người*, Nxb VHHT, HN.
3. Francis S. Collins (2019), *Ngôn ngữ của Chúa*, Nxb Thế giới, HN .
4. Cooperman, D., & Walter, E. V. (1963). *Power and civilization: political thought in the twentieth century*. Thomas Y. Cowell Company, Binghamton, N.Y.
5. Feliciencha (1972), *Nietzsche cuộc đời và triết lý*, Nxb Ca dao, Sg, Tr. 9.
6. Friedrich A. Hayek (2019), *Cuộc Cách Mạng Ngược Trong Khoa Học - Các Nghiên Cứu Về Sự Lạm Dụng Lí Tính* (Đình Tuấn Minh dịch), Nxb Tri thức, HN.
7. Ted Honderich (chủ biên, 2001), *Hành trình cùng triết học English – Vietnamse Dictionary of philosophy*, Nxb VHHT, HN.
8. Sir Julian Huxley - DR. J.Bronnowski - Sir Geral Barry-James Fisher (2003), *Tư tưởng loài người qua các thời đại*, Nxb VHHT, HN.
9. Nguyễn Trung Kiên (2016), *Triết gia Trần Đức Thảo – Di cáo, hồi ký , kỷ niệm*, Nxb Đại học Huế, Tr. 1089.
10. C.Mác và Ph.Ăngghen.Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 1995.
11. C.Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập, t.1, Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 1995.
12. C.Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập, t.42, Nxb Chính trị quốc gia; Hà Nội, 2000.
13. C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tr. 11.
14. Tim Marshall (2020), *Những tù nhân của địa lý* (Phan Linh Lan dịch), Nxb Hội nhà Văn, HN.
15. Hữu Ngọc (chủ biên, 1987), *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, Tr. 526.
16. Stanley Rosen (2004), *Triết học nhân sinh*, Nxb Lao Động, HN.
17. Phạm Văn Sĩ (1986), *Về tư tưởng và văn học phương Tây hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, Tr. 175.
18. Nguyễn Đình Thi (1942), *Triết học Nietzsche*, Nxb Tân Việt, Hà Nội, Tr. 196.
19. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên, 2007), *Aristotle và Hàn Phi Tử - con người chính trị và thể chế chính trị*. Nxb LLCT, HN.